TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **255/**2023/DS-ST
Ngày: 03/8/2023.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tuấn Anh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hồng Vinh

2. Ông Bùi Trung Tiến

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Thúy**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Ông **Lê Thành Chí** – Kiểm sát viên

Trong ngày 03 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2023/TLST-DS ngày 29/03/2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2023/QĐST-DS ngày 30/6/2023, quyết định hoãn phiên tòa số 65/2023/QĐST-DS ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **PHAN NGỌC NGÂN H** – sinh năm 1997;

Anh **NGUYỄN THANH P** – sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: ấp H, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang,

Cùng ủy quyền cho bà **Đỗ Thị Thu Ng** – sinh năm 1985

Địa chỉ: khu phố 3, Thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: Bà **HUỲNH THỊ ÁNH H1** – sinh năm 1971;

Ông **VÕ VĂN H2** – sinh năm 1965

Anh **VÕ HOÀNG N** – sinh năm 1996

Cùng địa chỉ: ấp H, xã V, huyện G, Tiền Giang;

(Bà Ng có mặt, bà Hồng xin vắng mặt, ông Hà, anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh P và chị Phan Ngọc Ngân H trình bày: vợ chồng anh chị và vợ chồng bà H1 có quen biết nhau. Bà H1 và ông H2 là vợ chồng, anh N là con ông H2, bà H1. Bà H1 và anh N có vay tiền của vợ chồng anh P, chị H nhiều lần để cho làm ăn cụ thể như sau: ngày 15/9/2021 (âm lịch), bà H1 có vay số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận lãi 2%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả vốn. Khi vay bà H1 có viết biên nhận và ký tên. Ngày 22/2/2022 (âm lịch) bà H1 và anh N có vay 100.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, thỏa thuận 1 năm trả vốn. Bà H1 và anh N có viết biên nhận và ký tên vào giấy mượn tiền. Ngày 10/3/2022 (âm lịch) bà H1 vay 50.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả vốn. Bà H1 có viết biên nhận và ký tên. Khi vay tiền bà H1 có đưa cho chị H, anh P giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01695 ngày 11/6/2009 do ông Võ Văn H2 và bà Huỳnh Thị Ánh H1 đứng tên. Như vậy bà H1 có nợ số tiền 70.000.000 đồng, bà H1 và anh N nợ 100.000.000 đồng. Số tiền trên bà H1 có đóng lãi cho vợ chồng anh chị nhưng không đầy đủ. Từ tháng 11/2022 đến nay bà Hồng cũng như anh N không có đóng lãi cho anh chị. Nay anh P, chị H yêu cầu bà H1, ông H2, anh N liên đới trả số tiền vốn 100.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 01/11/2022 (âm lịch) nhằm ngày 24/11/2022 đến khi xét xử với mức lãi suất 1,66%/tháng (lãi tạm tính đến khi nộp đơn khởi kiện là 8.300.000 đồng). Yêu cầu bà H1, ông H2 liên đới trả số tiền 70.000.000 đồng vốn và tính lãi từ ngày 24/11/2022 đến khi xét xử với mức lãi suất 1,66%/tháng (tạm tính đến ngày nộp đơn là 5.810.000 đồng), yêu cầu trả tiền vốn và lãi khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* Tại văn bản lời khai của bị đơn bà Huỳnh Thị Ánh H1 trình bày: bà có vay cháu P + H 170.000.000 đồng. Ngày 15/9/2021 (AL) vay 20.000.000 đồng, lãi 5%/tháng, bà đóng 14 tháng tức 14.000.000 đồng. Ngày 22/2/2022 (AL) vay 100.000.000 đồng, lãi 5%/tháng, bà đóng 9 tháng là 45.000.000 đồng. Ngày 10/3/2022 (AL) vay 50.000.000 đồng, bà đóng 8 tháng là 20.000.000 đồng, số tiền đóng lãi trong tháng 10/2022 (AL). Ngoài ra trong tháng 11/2022 (AL) bà đóng nữa tháng là 4.000.000 đồng. Tổng cộng bà đóng tiền lãi là 83.000.000 đồng. Bà trình bày bà đóng lãi cho anh P, chị H là không có chứng minh gì đưa tiền lãi ở thôn quê chỉ đưa lãi hàng tháng cho nhau thôi chứ đâu vay của Nhà nước đâu mà có biên lai, biên nhận. Bà vay tiền là tiêu xài cá nhân (hốt hụi, đóng hụi, đóng lãi hàng tháng cho các chủ nợ khác). Ngoài ra khi vay tiền bà có đưa sổ đỏ cho anh P, chị H giữ và có kêu con bà là anh N ký tên vào biên nhận nợ.

* Bị đơn ông Võ Văn H2 và anh Võ Hoàng N đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho ông H2, anh N nhưng ông H2, anh N không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh P, chị H.

Tại phiên Tòa hôm nay

Đại diện nguyên đơn anh Nguyễn Thanh P và chị Phan Ngọc Ngân H là bà Đỗ Thị Thu Ng yêu cầu bà H1, ông H2, anh N liên đới trả số tiền vốn 100.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 01/02/2023 đến khi xét xử với mức lãi suất 0,83%/tháng với số tiền 4.150.000 đồng. Yêu cầu bà H1, ông H2 liên đới trả số tiền 70.000.000 đồng vốn và tính lãi từ ngày 01/02/2023 đến khi xét xử với mức lãi suất 0,83%/tháng với số tiền là 2.905.000 đồng, yêu cầu trả tiền vốn và lãi khi bản án có hiệu lực pháp luật. Phía chị H,

anh P sẽ trả cho ông H2, bà H1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01695 ngày 11/6/2009 do ông Võ Văn H2 và bà Huỳnh Thị Ánh H1 đứng tên.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Ánh H1 xin vắng mặt.

Bị đơn ông Võ Văn H2 và anh Võ Hoàng N vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[1] Xét bị đơn bà Huỳnh Thị Ánh H1 có đơn xin xét xử vắng mặt có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt bà Hồng.

[2] Xét bị đơn ông Võ Văn H2 và anh Võ Hoàng N đã được triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng ông H2, anh N vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt ông H2, anh N.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh P và chị Phan Ngọc Ngân H là có cơ sở: vì anh P, chị Hà có cho bà Huỳnh Thị Ánh H1 và anh Võ Hoàng N vay 3 lần với số tiền 170.000.000 đồng, cụ thể ngày 15/9/2021 (âm lịch), bà H1 có vay số tiền 20.000.000 đồng, không có thời hạn; ngày 22/2/2022 (âm lịch) bà H1 và anh N có vay 100.000.000 đồng, thời hạn 01 năm; ngày 10/3/2022 (âm lịch) bà H1 vay 50.000.000 đồng, không có thời hạn để đóng tiền hụi và trả lãi các khoản vay khác. Đến hạn trả tiền nhưng bà H1, anh N không thực hiện, kéo dài cho đến nay. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình anh P, chị H cung cấp 02 tờ "Giấy mượn tiền" ngày 22/2/2022 (AL), ngày 15/9/2021 (AL) và ngày 10/3/2022 (AL) có chữ viết và chữ ký của bà H1, anh N. Do đó có đủ cơ sở để xác định giữa anh P, chị H và bà H1, anh N đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, phía bà H1, anh N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nên cần buộc bà H1, anh N có trách nhiệm trả tiền cho anh P, chị H là phù hợp với Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về tiền lãi: anh P, chị H yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 01/02/2023 đến ngày Tòa xét xử là ngày 03/8/2023 làm tròn là 05 tháng với mức lãi suất 0,83% thành tiền là 7.055.000 đồng (lãi của số tiền 100.000.000 đồng là 4.150.000 đồng và lãi của số tiền 70.000.000 đồng là 2.905.000 đồng). Xét yêu cầu này của anh P, chị H là có cơ sở vì bà H1, anh N chậm thực hiện nghĩa vụ của mình đối với anh P, chị H nên bà H1, anh N phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, và lãi suất do anh P, chị H với bà H1, anh N không thỏa thuận lãi suất nên lãi suất được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu này của anh P, chị H phù hợp với Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[5] Đối với ông Võ Văn H2 là chồng của bà H1 và là cha ruột của anh N, quá trình bà H1, anh N vay tài sản của anh P, chị H để đóng tiền hụi và đóng tiền lãi của các khoản vay khác với mục đích là để phát triển kinh tế gia đình, phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, ông H2 cũng có nghĩa vụ liên đới đối với các giao dịch do bà H1, anh N thực hiện, nên ông H2 cũng phải có trách nhiệm liên đới với bà H1, anh N trả số tiền vốn 170.000.000 đồng và tiền lãi cho anh P, chị H là phù hợp với Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về thời gian trả: anh P, chị H yêu cầu bà H1, ông H2, anh N trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu này của anh P, chị Hà là có cơ sở vì số tiền này bà H1, ông H2, anh N để lâu không trả cho anh P, chị H đã ảnh hưởng đến quyền lợi của anh P, chị H, nên cần buộc bà H1, ông H2, anh N trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[7] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01695 ngày 19/6/2009 do ông Võ Văn H2 và bà Huỳnh Thị Ánh H1 đứng tên, diện tích 1.795,7m^2, loại đất lúa thuộc thửa 96, tờ bản đồ số 27 tọa lạc tại ấp H, xã V, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này phía anh P, chị H đang giữ để thế chấp bảo đảm khoản vay của bà H1, anh N, nhưng không làm hợp đồng bảo lãnh theo mẫu có công chứng chứng thực, nên việc thế chấp này là vô hiệu. Do đó, cần buộc anh P, chị H phải trả cho bà Huỳnh Thị Ánh H1 và ông Võ Văn H2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

[8] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 175, 177, 227, 228, 233, 235, 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 275, 280, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015

- Áp dụng vào Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh P và chị Phan Ngọc Ngân H

Buộc bà Huỳnh Thị Ánh H1, ông Võ Văn H2 và anh Võ Hoàng N có trách nhiệm liên đới trả cho anh Nguyễn Thanh P và chị Phan Ngọc Ngân H số tiền vốn là **100.000.000** đồng và tiền lãi là 4.150.000 đồng, tổng cộng là **104.150.000** đồng (một trăm lẻ bốn triệu một trăm năm mươi nghìn đồng), khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bà Huỳnh Thị Ánh H1 và ông Võ Văn H2 có trách nhiệm liên đới trả cho anh Nguyễn Thanh P và chị Phan Ngọc Ngân H số tiền vốn là **70.000.000** đồng và tiền lãi là

2.905.000 đồng, tổng cộng là **72.905.000** đồng (bày mươi hai triệu chín trăm lẻ năm nghìn đồng), khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh Nguyễn Thanh P và chị Phan Ngọc Ngân H có trách nhiệm trả lại cho ông Võ Văn H2 và bà Huỳnh Thị Ánh H1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01695 ngày 19/6/2009 do ông Võ Văn H2 và bà Huỳnh Thị Ánh H1 đứng tên, diện tích 1.795,7m^2, loại đất lúa thuộc thửa 96, tờ bản đồ số 27 tọa lạc tại ấp H, xã V, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Ông Võ Văn H2, bà Huỳnh Thị Ánh H1, anh Võ Hoàng N phải chịu **5.207.500** đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Võ Văn H2, bà Huỳnh Thị Ánh H1 phải chịu **3.645.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm

- Hoàn lại cho anh Nguyễn Thanh P và chị Phan Ngọc Ngân H (Phan Thị Ngân H) **4.603.000** đồng tiền tạm ứng án phí mà anh P, chị H đã nộp theo biên lai thu số 0026981 ngày 29/03/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Báo đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Báo các đương sự vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt án văn hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- THA.DS huyện Gò Công Tây
- Các đương sự.
- Lưu: hồ sơ, án văn.

Nguyễn Văn Tuấn Anh